

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18.7/SMBĐ - CBTT

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 04 năm 2024

V/v: Công bố báo cáo thường
niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Mã chứng khoán: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu
4. Điện thoại : 0254.3624188 Fax: 0254.3624189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ngô Văn Lập ĐT: 0908036456
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình xin gửi kèm Báo cáo thường niên năm 2020 đến Quý Ủy ban và Quý Sở, đồng thời đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo quy định.

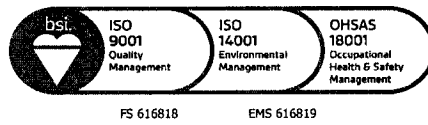
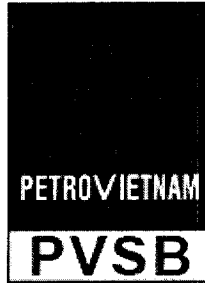
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; NTH (scan).

Người công bố thông tin
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH
TP. VŨNG TÀU, T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Ngô Văn Lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Thông điệp của Hội đồng quản trị:

Quý vị cố đồng kính mến!

Năm 2020, tình hình kinh tế xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (COVID-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Ngành dầu khí cũng phải đối mặt với tình trạng tác động kép từ dịch Covid-19 và giá dầu phục hồi chậm làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và kết quả kinh doanh của toàn ngành nói chung. Đối mặt với những khó khăn nói trên, Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ) với tư cách là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) trong thời gian qua, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện của Tập đoàn Dầu khí, Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ...cho khách hàng trong và ngoài ngành. Với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV, năm 2020 Công ty SMBĐ đã thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được giao. Mọi nguồn lực của Công ty tiếp tục được bảo toàn và tăng trưởng, các chỉ số tài chính được đánh giá ở mức độ an toàn, năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.



Kính thưa Quý vị cổ đông,

Theo nhận định của HĐQT, năm 2021 sẽ là một năm với rất nhiều khó khăn, thách thức đối với tất cả các nền kinh tế thế giới, trong đó ngành công nghiệp dầu khí khi đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, giá dầu thô phục hồi chậm và nhiều biến động, đứt gãy thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu. Để chuẩn bị và sẵn sàng ứng phó với tình hình thực tế, Công ty SMBĐ đề ra các giải pháp nhằm duy trì ổn định và nỗ lực thực hiện các mục tiêu trong hoạt động SXKD đã đề ra. Với những lợi thế, quan điểm duy trì và bảo toàn nguồn lực sẵn có, ưu tiên phát triển một cách bền vững, ổn định, với năng lực kinh nghiệm cùng sự quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và nhất là với sự giúp đỡ ủng hộ của Quý vị cổ đông, chúng ta hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ thiết thực của Quý khách hàng, Quý cổ đông, mà đặc biệt là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã dành cho Công ty SMBĐ.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trần Hải Bình

NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có).
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Tên giao dịch đối ngoại : **SAOMAI – BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC**

Giá chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 26/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở : Số 65 A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

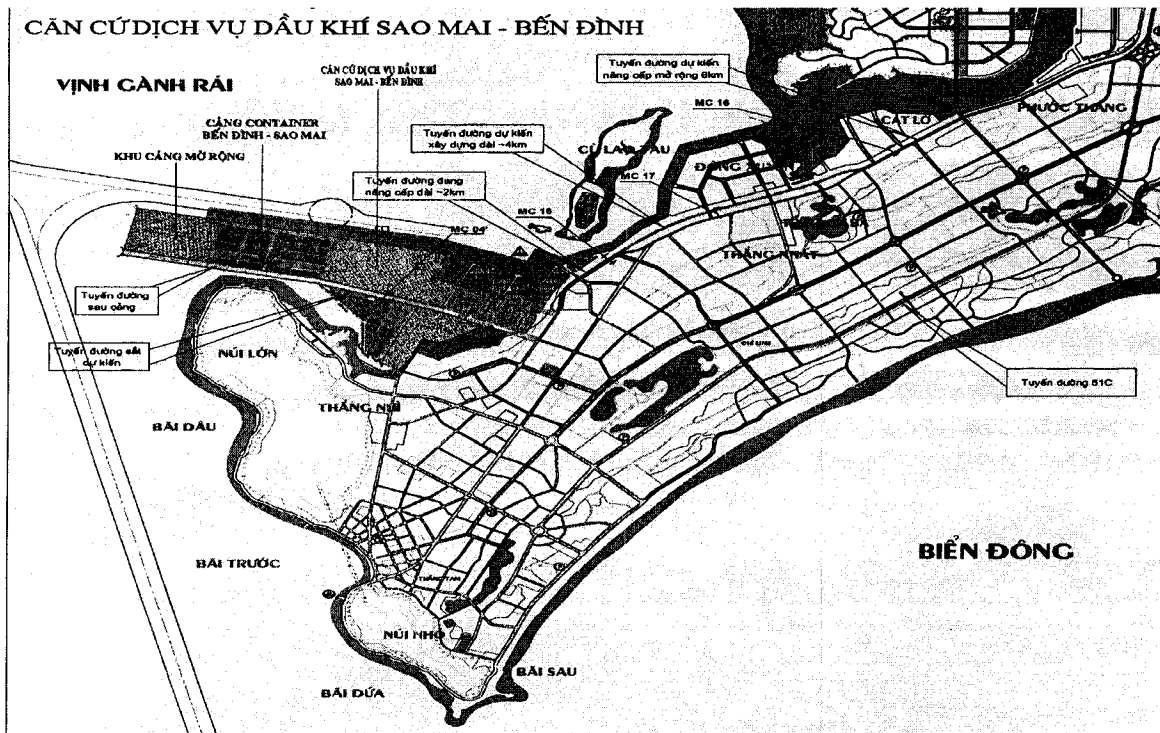
Điện thoại : 0254.3628188

Fax : 0254.3628189

Email : saomaibendinh@pvsb.com.vn

Website : www.pvsb.com.vn

Mã cổ phiếu : PSB



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu)

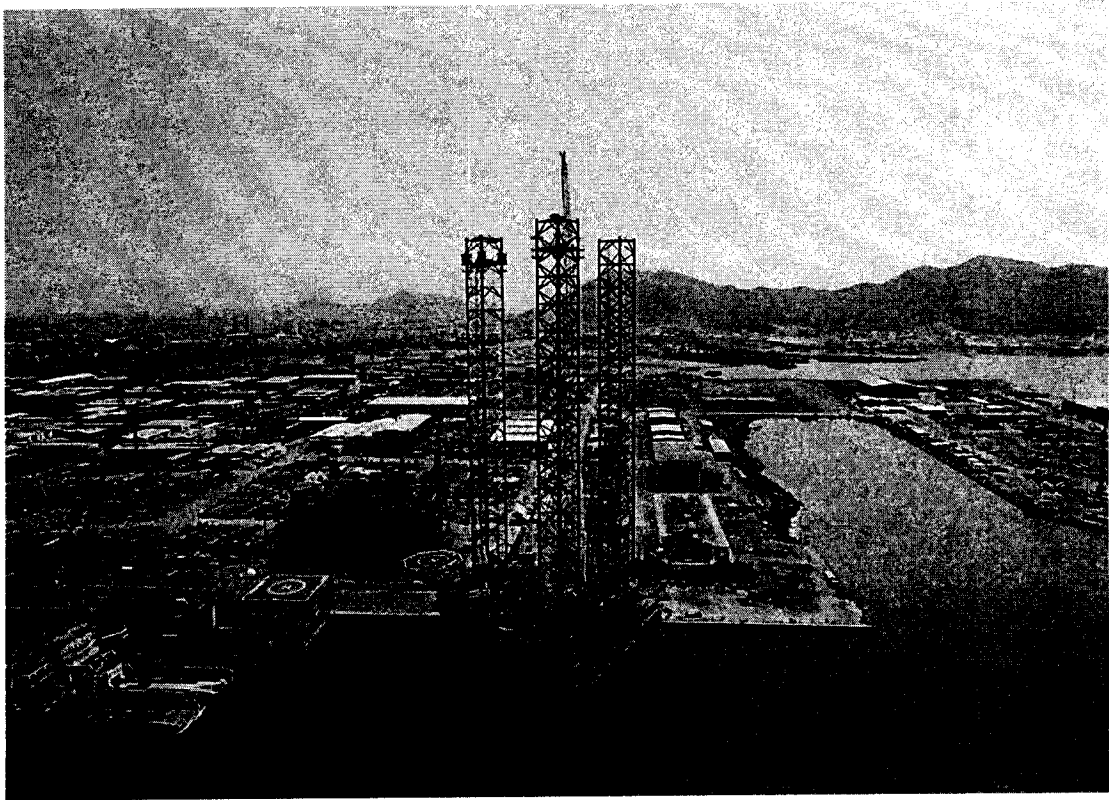
Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ.
- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.
- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.
- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1.
- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I).
- 01/11/2017: Hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình nhà văn phòng Container.
- Năm 2018: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha.
- Năm 2019: Ký hợp đồng thi công cơ khí cho dịch vụ chế tạo hạ thủy và chằng buộc cọc CPP Sao Vàng cho dự án Sao Vàng Đại Nguyệt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC.
- Năm 2020: Cho thuê 960m² diện tích nhà xưởng và dịch vụ hậu cần, đồng thời chuyển toàn bộ văn phòng Container của Đội XLDV về khu bãi 7ha.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- 2.1. Khai thác cụm Cảng và Khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; cụm cảng container;
- 2.2. Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- 2.3. Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu - khí - nhiên liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm; Xây dựng nhà các loại;
- 2.4. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- 2.5. Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- 2.6. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất, phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- 2.7. Cho thuê các phương tiện vận tải, kho bãi; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- 2.8. Cung ứng nhân lực lao động.



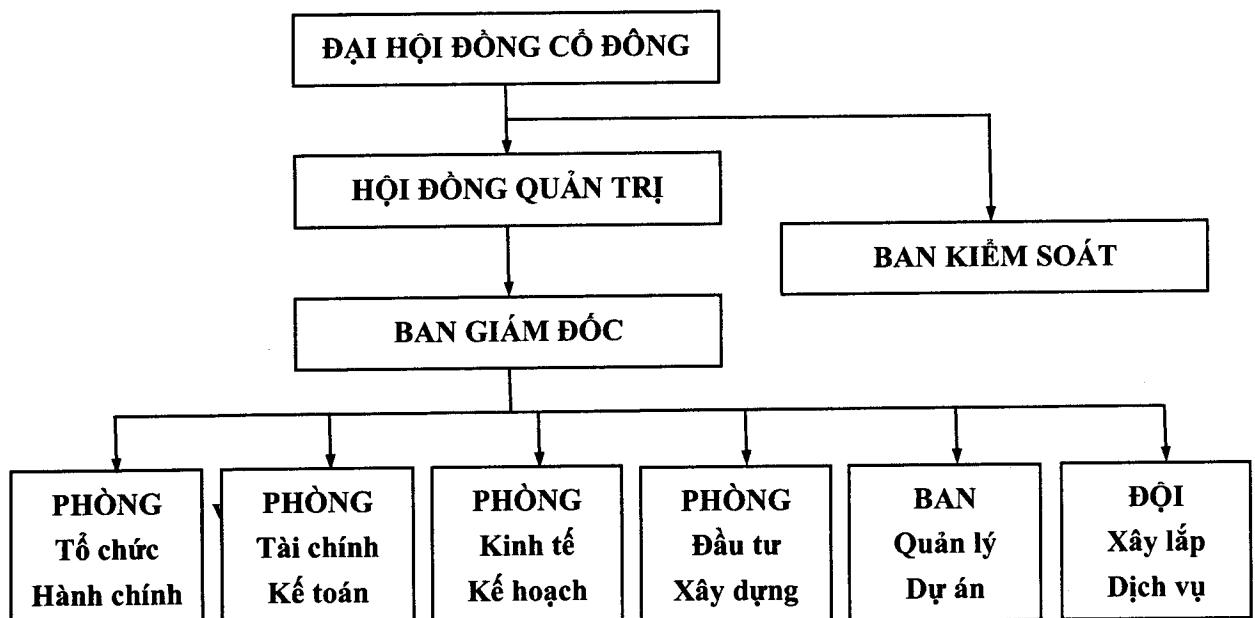
(Khu vực Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hiện tại)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

4.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.

4.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng.

4.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.

4.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:

- Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
- Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
- Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
- Dịch vụ thương mại dầu khí.
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

4.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

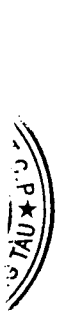
4.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

5. Các rủi ro:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí hiện nay phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại



định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng bám sát các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, PVN để tìm kiếm công việc, sau đó đưa ra các phương án cụ thể cho việc thực hiện triển khai công việc. Công ty thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	% so với KH
1	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100
2	Doanh thu	207,48	189,28	196,95	104
a	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	181,40	164,28	172,41	105
-	<i>Dịch vụ cơ khí chế tạo và đóng mới CTDK</i>	73,83	70	47,07	67

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	% so với KH
-	Dịch vụ cung cấp VTTB (thương mại)	17,80	30	7,18	24
-	Dịch vụ căn cứ kho bãi	5,2	9,28	7,07	76
-	Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng	9,23	10	16,29	163
-	Dịch vụ cung ứng nhân lực khác	1,82	-	1,49	
-	Phân phối đạm Phú Mỹ, khí LPG	73,52	45	93,31	207
b	Hoạt động tài chính	24,69	25	24,54	98
c	Thu nhập khác	1,39	-	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	1,3	2,22	3,17	143
4	Lợi nhuận sau thuế	0,41	0,89	2,5	281
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	0,34	1,14	0,51	45
6	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB				
-	Giá trị thực hiện	0,41	25,67	17	66
-	Giá trị giải ngân	3,16	26,68	16,82	63
7	Số lao động cuối kỳ	81	85	81	95

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2020 là 196,95 tỷ đồng, đạt 104% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 3,17 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch năm.

Lợi nhuận từ hoạt động SXKD năm 2020 đạt vượt mức so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện việc quyết toán thuế TNDN từ các năm trước và thực hiện việc cho thuê 960m² diện tích nhà xưởng và dịch vụ hậu cần nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, đồng thời chuyển toàn bộ văn phòng Container của Đội XLDV về khu bãi 7ha để tiết giảm chi phí thuê kho bãi và thuận tiện việc thực hiện Dự án SVĐN.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

① Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- + Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Kinh doanh, kỹ sư Cơ khí.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 06/1991 – 05/1992: Trung tâm nghiên cứu May – Hà Nội.
- + 06/1992 – 06/1993: Công ty Địa Vật lý và DVĐK – Hà Nội.
- + 07/1993 – 07/1995: Đốc công – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 08/1995 – 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 01/2000 – 04/2001: Phó Giám đốc – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 05/2001 – 10/2001: Quyền Giám đốc – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu – VT.
- + 11/2001 – 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 01/2004 – 01/2006: Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 02/2006 – 03/2007: Phó Tổng giám đốc – Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- + 04/2007 – 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- + 06/2007 – đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông ĐẶNG ĐỨC HÒI
PHÓ GIÁM ĐỐC

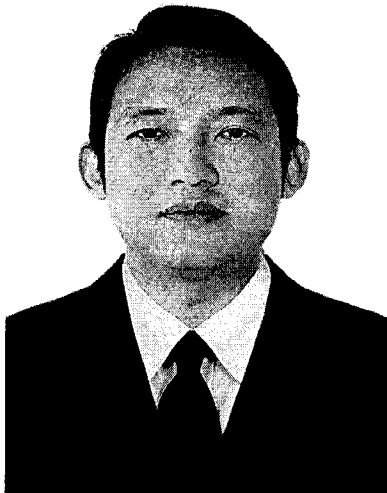


- + Sinh ngày: 01/11/1962 tại Nam Định
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 2.692

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1987 – 02/1991: XN Liên hợp XL Dầu khí.
- + 03/1991 – 07/1995: Kế toán Trưởng – Đội xây dựng số 6 thuộc XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí.
- + 08/1995 – 02/2001: Kế toán Trưởng – XN Thiết kế và Khảo sát – Công ty Thiết kế và XD Dầu khí.
- + 03/2001 – 11/2004: Chuyên viên Tài chính Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 12/2004 – 04/2007: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế toán; Kế toán Trưởng Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 05/2007 – 07/2009: Kế toán Trưởng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).
- + 08/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

③ Ông TRẦN CHÍ DŨNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 03/05/1976 tại Hà Tĩnh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 07/1999 – 06/2002: Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại – Bộ Thương Mại.
- + 06/2002 – 06/2003: Đội trưởng đội thi công – Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Tp Hồ Chí Minh.
- + 06/2003 – 08/2005: Chuyên viên Ban quản lý Dự án Cảng PTSC – Tổng Công ty PTSC.
- + 08/2005 – 08/2007: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 02/2007 – 08/2007: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 08/2007 – 10/2009: Phó Giám đốc – Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp DK – Idico Long Sơn.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

④ Ông TRẦN ĐỨC HẠNH

PHÓ GIÁM ĐỐC



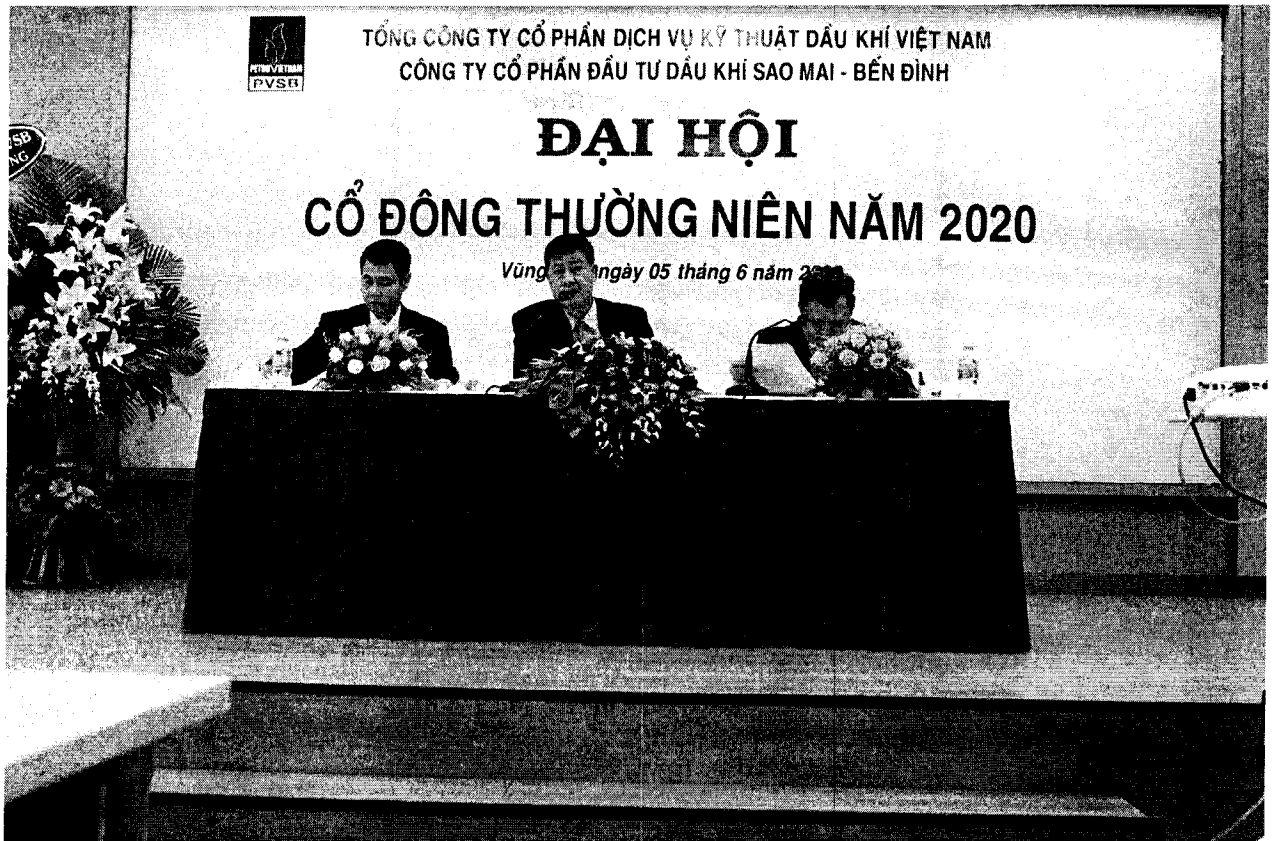
- + Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư Xây dựng.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 7

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 – 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển – XN Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- + 12/2004 – 06/2005: Ban Dự án RuBy B – Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- + 06/2005 – 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu – Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 – 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 – 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

2.2. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2020 là 83 người, trong đó: Người lao động làm việc trong Công ty SMBĐ là 81 người (bao gồm 07 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng), và 02 người lao động ký hợp đồng ngắn hạn làm việc cho các Dự án của PTSC.



Đại hội cổ đông thường niên ngày 05 tháng 06 năm 2020

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Công ty PVSB tiếp tục triển khai các công việc, thủ tục đầu tư cho dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai –Bến Đình, cụ thể như sau:

- Đền bù giải phóng mặt bằng:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 của Công ty SMBĐ đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, trong đó bao gồm có kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân thuộc phạm vi con đường. Ngày 30/06/2020, UBND TP đã có Quyết định số 2924/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ về đất cho 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào Khu căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Bên cạnh đó, UBND TP đề nghị Chủ đầu tư chi trả cho người dân và UBND TP sẽ phối hợp cùng Công ty SMBĐ thực hiện các thủ tục với các cơ quan chức năng (UBND tỉnh BRVT, Sở Tài Chính, Cục thuế) để khấu trừ vào tiền thuê đất của Công ty về sau. Hiện Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức chi trả cho các hộ dân căn cứ theo công văn số 1382/PTQĐ-NV5 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp Vũng Tàu.

- Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500:

Công ty đã nhận đầy đủ hồ sơ và đang thực hiện theo Quyết định phê duyệt đồ án tại văn bản số 3227/QĐ-UBND ngày 16/07/2020.

- Ưu đãi đầu tư của dự án:

Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP về mặt nguyên tắc chấp thuận cho Công ty SMBĐ bổ sung mục tiêu là bến cảng biển, hiện nay, Công ty đang làm việc với Cục thuế tỉnh để triển khai thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

- Chủ trương đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM - BĐ:

Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.

- Nghĩa vụ tài chính của dự án:

Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

- Công tác khác:

UBND tỉnh BRVT đã đồng ý cho Công ty SMBĐ tự bỏ kinh phí xây dựng đường tạm vào Dự án của Công ty.

3.1.2. Khu bãi 07ha Khu dịch vụ Dầu khí 35ha:

Hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng xây dựng số 10 và 11-2019/PVSB (ĐTXD)-HVP/MDV ngày 21/05/2019 về việc thi công sửa chữa taluy và bảo trì mặt bãi 7ha (đoạn R1-R2, R3-R4).

3.2. Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty SMBĐ hiện sở hữu 1.053.000 cổ phần, chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (SOPEWACO). Từ năm 2008-2009, Công ty SOPEWACO hoạt động hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi chịu tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính, đến 30/06/2017, Công ty SOPEWACO đã lỗ lũy kế là 423,56 tỷ đồng. Được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Công ty SMBĐ đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty SOPEWACO. Ngày 06/09/2019, Công ty SMBĐ đã nhận được Giấy xác nhận số 58571/19 của sở KHĐT về việc thông báo Doanh nghiệp SOPEWACO tạm ngừng kinh doanh đến ngày 19/09/2020 do đang tái cơ cấu và không hoạt động. Hiện Công ty SMBĐ đang tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn phần vốn góp tại SOPEWACO.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	769.173.381.390	780.957.945.975	101,53
Doanh thu thuần	181.403.172.972	172.412.455.372	95,04
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	238.863.372	4.264.422.010	1.785,30
Lợi nhuận khác	1.061.675.863	(1.097.427.382)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.300.539.235	3.166.994.628	243,51
Lợi nhuận sau thuế	413.347.315	2.499.559.703	604,71
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7	50	714,28

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	36,61	18,20	
+ Hệ số thanh toán nhanh	36,57	17,79	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,28	0,29	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,40	0,41	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	56,72	28,56	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,23	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,0005	0,0032	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,0013	0,0247	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

+ Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP

+ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/02/2021):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:		
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016
3	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn tương lai	3.306.000	6,612
4	Ngân hàng GP Bank	1.700.000	3,40
5	Cổ đông khác	12.983.600	25,967
II.	NGOÀI NƯỚC:		
1	Tanioka Hiroyasu	2.300	0,005
	TỔNG CỘNG	50.000.000	100,00

+ Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,000
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016
3	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn tương lai	3.306.000	6,612

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe – Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.

bsi.



Certificate of Registration

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2008

Xác nhận rằng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI – BẾN ĐÌNH**

Tầng 16, Số 9,
Hoàng Diệu, Phường 1,
Thành Phố Vũng Tàu,
Việt Nam


Giữ giấy chứng nhận số:

FS 616818

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất Lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2008 cho phạm vi:

Quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí

Đại diện cho tập đoàn BSI:


Giám Đốc Đảm Bảo Chất Lượng Toàn Cầu, Gary Fenton

Ngày đăng ký: **01/09/2011**

Ngày ban hành: **09/08/2014**

Ngày hết hiệu lực: **30/08/2017**



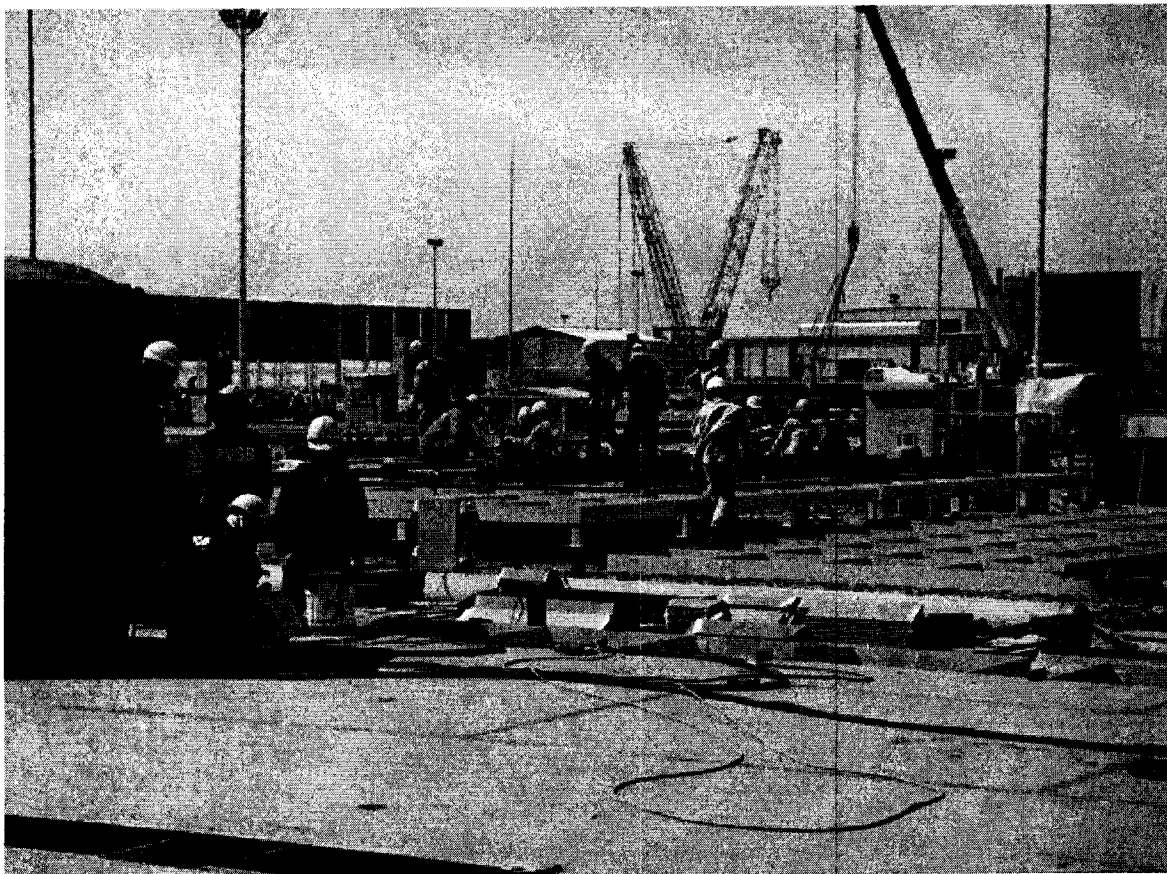
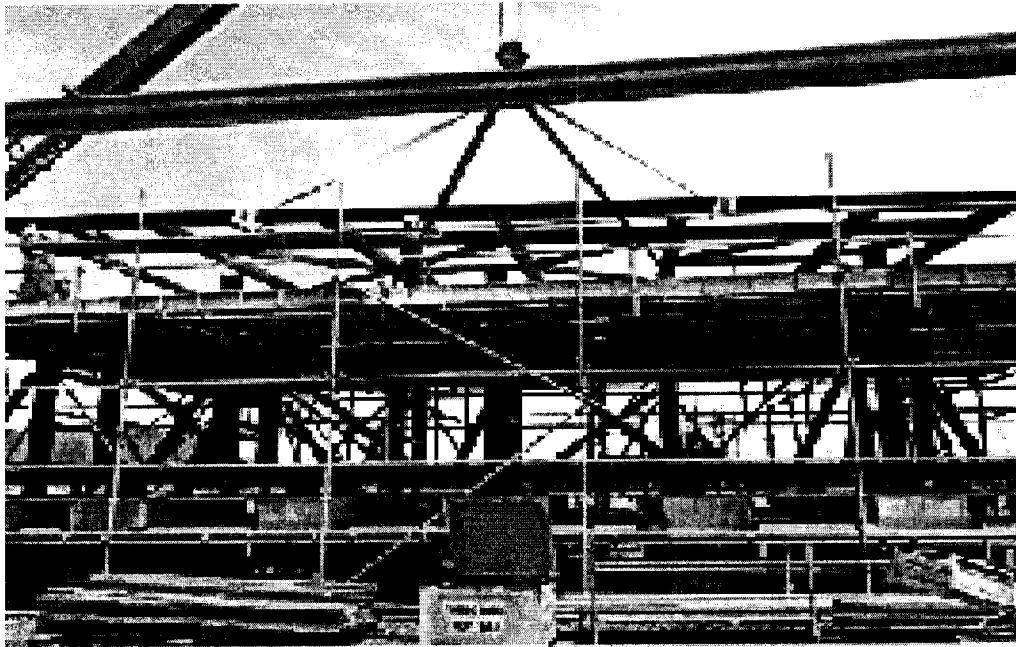
Trang: 1/1

...making excellence a habit™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A member of the BSI Group of Companies.



(Công nhân SMBĐ thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn)



bsi.



By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:



Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsi-global.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Năm 2020, ngành công nghiệp dầu khí thế giới nói chung và ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam nói riêng đứng trước khó khăn, thách thức rất lớn khi phải chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động kép đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu trong thời gian dài, có thể được xem như đang trong giai đoạn khó khăn nhất, từ khâu đầu đến khâu cuối đều bị ảnh hưởng lớn, khi lượng tiêu thụ các sản phẩm lọc hóa dầu, hiệu quả khai thác dầu khí giảm mạnh, doanh thu không đủ bù đắp chi phí khai thác. Những dự án trọng điểm về tìm kiếm, thăm dò, khai thác bị cắt giảm, dừng hoặc giãn tiến độ triển khai. Tất cả những yếu tố này đang làm cho sự cạnh tranh tăng mạnh trên thị trường dịch vụ cơ khí, cung ứng vật tư thiết bị và tất cả các dịch vụ cung ứng khác, đặt ra khó khăn rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

Trước tình hình khó khăn hiện tại, được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tổng Công ty PTSC và sự hợp tác hỗ trợ của các đơn vị trong ngành, đối tác, cùng sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và tập thể NLD, Công ty đã duy trì ổn định nguồn công việc, hoàn thành tốt, vượt chỉ tiêu các mục tiêu cơ bản kế hoạch SXKD đề ra trong năm 2020.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản :

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
A	Tài sản ngắn hạn	492.046.108.002	487.534.940.669	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	53.140.405.601	79.174.083.567	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	397.000.000.000	367.000.000.000	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	23.823.546.782	34.861.928.435	
IV	Hàng tồn kho	11.054.042.537	512.014.874	
V	Tài sản ngắn hạn khác	7.028.113.082	5.986.913.793	
B	Tài sản dài hạn	288.911.837.973	281.638.440.721	
I	Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000	
II	Tài sản cố định	75.155.639.193	80.939.341.358	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
III	Bất động sản đầu tư	178.600.776.483	183.336.048.339	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	33.163.714.381	16.168.416.172	
V	Tài sản dài hạn khác	1.988.707.916	1.191.634.852	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	780.957.945.975	769.173.381.390	

2.2 Tình hình nợ phải trả:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
I	Nợ ngắn hạn	27.031.856.256	13.316.035.414	
II	Nợ dài hạn	200.763.963.467	205.153.444.695	
	Nợ phải trả	227.795.819.723	218.469.480.109	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kiên toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải pháp về thị trường:

- Tập trung phát triển năng lực, là đơn vị con của Tổng Công ty DVKT, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị lớn.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, các đơn vị trong ngành và đặc biệt các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tìm kiếm nguồn việc mới, kịp thời cung cấp và đáp ứng nhu cầu dịch vụ.

Thúc đẩy các giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả trong sản xuất thi công dự án để từng bước mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh riêng của công ty cho các khách hàng ngoài ngành.

- Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai đầu tư xây dựng dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.

Giải pháp về đầu tư:

- Tiếp tục rà soát cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của Công ty và các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để xem xét sử dụng nguồn lực hiệu quả và tính toán đầu tư xây dựng cầu cảng đáp ứng nhu cầu thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi hiện có của Công ty.
- Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục xin ưu đãi đầu tư dự án cần tiếp tục tích cực liên hệ với cơ quan ban ngành chức năng, trên cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Công ty.

Giải pháp về tài chính:

- Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
- Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ, ... đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.
- Quản lý chặt chẽ nguồn tiền gửi, theo dõi sát sao diễn biến thị trường tài chính trong nước cũng như quốc tế để nắm bắt tình hình, có những hành động kịp thời đảm bảo tài chính cho Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến của kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.
- Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

- Được sự giúp đỡ và tạo điều kiện của các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí, đặc biệt là Tổng Công ty PTSC và các đơn vị trong Tổng Công ty, Công ty SMBĐ đã chủ động ứng phó với khó khăn, thách thức và những biến động phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động SXKD, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng trên các mặt hoạt động. HĐQT đánh giá năm

2020 Công ty đã bám sát tình hình thực tế, tích cực, quyết liệt thực hiện các giải pháp đề ra, đồng thời định hướng tốt hoạt động để hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao, tạo đà thuận lợi cho những năm tiếp theo, cụ thể:

- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, năng động, sáng tạo có trình độ, năng lực tốt, được trau dồi kinh nghiệm trong thực tế. Luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.
- Thực hiện và áp dụng quyết liệt đề án năng lực cạnh tranh đang tạo những chuyển biến tích cực, cần thiết để thích ứng với môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt và những khó khăn trong thời gian tới.
- Công ty đã và đang khẳng định được thương hiệu và uy tín của mình trong lĩnh vực cơ khí, thương mại, dịch vụ hậu cần. Đồng thời đã nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty trong thời gian sắp tới.
- Chế độ đãi ngộ với người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm qua, Công ty vẫn còn những hạn chế cần khắc phục trong giai đoạn khó khăn như hiện nay như:

- Cơ sở hạ tầng bến bãi, cầu cảng... trang thiết bị phục vụ sản xuất còn thiếu, chưa đồng bộ, phải đi thuê và phụ thuộc nhiều vào bên ngoài nên hiệu quả sản xuất chưa cao.
- Doanh thu của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào dịch vụ cung cấp cho các đơn vị trong ngành dầu khí nên rất dễ bị ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản chưa đạt kế hoạch đề ra do chưa có khách hàng thực sự tiềm năng để Công ty cùng hợp tác đầu tư.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Năm qua, Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan nhưng vẫn còn chưa thực sự tương xứng với nguồn lực cũng như kỳ vọng và mong đợi của ĐHĐCĐ và Tổng Công ty. HĐQT đánh giá năm 2020 Giám đốc và Ban điều hành cũng đã bám sát tình hình thực tế, nỗ lực, chủ động, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động kinh doanh để hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể:
- Chủ động, linh hoạt điều hành hoạt động SXKD trong tình hình phức tạp của dịch bệnh, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp ứng phó với tình hình thực tế.
- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí của Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết, giảm thu nhập, rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí...
- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới cho Công ty.
- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.

- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty, đã và đang mang lại hiệu quả.
- Chế độ đãi ngộ và bảo vệ sức khỏe cho người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm, đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Giám đốc và Ban điều hành trong thời gian tới cần lưu ý khắc phục các vấn đề sau:

- Cần theo dõi, bám sát tình hình kinh tế xã hội trong xã hội trong nước, trên thế giới nói chung và ngành dầu khí nói riêng để chủ động các giải pháp trong hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế.
- Tối ưu hóa trong hoạt động quản lý, tổ chức, giám sát thi công và giá thành để tăng khả năng cạnh tranh, đạt hiệu quả cao trong sản xuất, kinh doanh tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án cải thiện cơ sở hạ tầng, bến bãi, cầu cảng, trang thiết bị... để nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để sớm hoàn thành các thủ tục liên quan đến đất đai, ưu đãi đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Đa dạng hóa doanh thu của Công ty, tránh phụ thuộc nhiều vào các đơn vị trong ngành để hạn chế ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, năm 2021 tiếp tục là năm khó khăn cho ngành dầu khí nói chung và Công ty nói riêng khi dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, giá dầu thô phục hồi chậm và nhiều biến động. Để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở tình thực tế và hoạt động của công ty hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra chương trình công tác năm trong 2021 như sau :

3.1. Về công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2021.
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT để thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình của Công ty, kịp thời thúc đẩy, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

3.2. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế. Đẩy mạnh công tác Marketing tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới.
- Chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng khoa học có hàm lượng kỹ thuật cao trong sản xuất, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh.

- Chỉ đạo công ty làm việc với tỉnh BR-VT và các cơ quan chức năng để tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư giai đoạn khai thác cảng biển và hoàn thành các thủ tục về đất đai của dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.
- Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.
- Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.
- Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và các quy định của pháp luật.

3.3. Công tác nhân sự

- Tiếp tục kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 theo chủ trương của ĐHĐCĐ khi có nhân sự ứng cử.
- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT trong công tác nhân sự.

3.4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- Ban hành Điều lệ và các Quy chế quản lý công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành.

3.5. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn nhân quỹ của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Chỉ đạo, đôn đốc Ban Giám đốc tích cực, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý công nợ.
- Chỉ đạo sát sao Công ty tích cực theo dõi, bám sát tình hình hoạt động của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng hải để thu hồi tối đa khoản nợ quá hạn của Công ty này.
- Chỉ đạo Người đại diện của Công ty theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của công ty Sopewaco, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu theo quy định. Tích cực tìm kiếm nhà đầu tư để thoái toàn bộ vốn tại Công ty Sopewaco theo chủ trương ĐHĐCĐ đã phê duyệt và bảo vệ lợi ích của cổ đông ở mức cao nhất.

3.6. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng cụ thể kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 của Công ty trong từng lĩnh vực.
- Chỉ đạo xây dựng các kịch bản, dự báo tình hình thị trường và phương án, biện pháp ứng phó cụ thể để chủ động trước tình hình khó khăn trong giai đoạn tới.

3.7. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 04 thành viên bao gồm 03 thành viên đại diện cho PTSC và 01 thành viên độc lập đại diện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại Việt Anh (Việt Anh), cụ thể:

- | | | |
|------------------------|---------------------|----------------|
| 1. Ông Trần Hải Bình | - Chủ tịch HĐQT | (Chuyên trách) |
| 2. Ông Phùng Như Dũng | - TV HĐQT, Giám đốc | (Kiêm nhiệm) |
| 3. Ông Nguyễn Việt Đạt | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |
| 4. Nguyễn Lê Phương | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |

① Ông TRẦN HẢI BÌNH CHỦ TỊCH



Sinh ngày: 20/10/1969 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 92

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1994 – 08/1997: XN Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 09/1997 – 12/1998: XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu PTSC Vũng Tàu (PTSC).
- + 01/1999 – 09/2000: Trưởng phòng Tài chính Kế toán – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu (PTSC).
- + 10/2000 – 05/2001: Phó Giám đốc phụ trách XN Kinh doanh các SP Dầu khí Tây Ninh (PTSC).
- + 05/2001 – 03/2006: Kế toán Trưởng – Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 03/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ (PDC).
- + 01/2007 – 04/2007: Kiểm soát viên chính Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 04/2007 – 07/2009: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 08/2009 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

② Ông PHÙNG NHƯ DŨNG
THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

③ Ông NGUYỄN VIỆT ĐẠT
THÀNH VIÊN

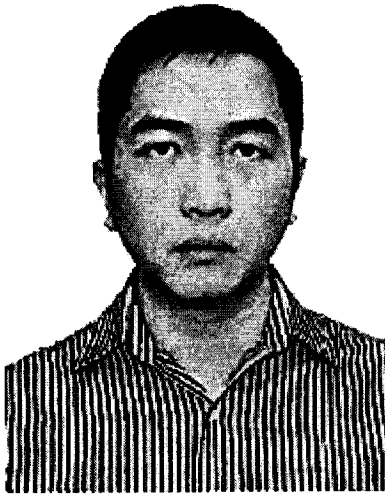


Sinh ngày: 27/07/1966 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thăm
dò Địa chất
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 03/1990 – 10/1990: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Hải Phòng.
- + 11/1990 – 03/1993: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- + 04/1993 – 04/2002: Phó phòng Kế hoạch Sản xuất XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.
- + 05/2002 – 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc Ban QL Dự án Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 01/2008 – đến nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.

**④ Ông NGUYỄN LÊ PHƯƠNG
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 30/09/1978 tại Quảng Trị
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
chuyên viên ngành địa chất dầu khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0
Bắt đầu nhiệm kỳ ngày: 08/11/2017

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 2001 – 2006: Kỹ sư địa chất Công ty Dầu khí Geoservices (Pháp).
- + 2006 – 2007: Kỹ sư địa chất điều hành Công ty Dầu khí Quốc Gia Hàn Quốc (KNOC).
- + 2007 – 2016: chuyên viên Địa chất điều hành và Minh giải địa vật lý Công ty Điều hành Dầu khí Thăng Long.
- + 2016 – nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh

1.2. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã thực hiện tốt và đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động quản lý và điều hành Công ty, luôn đảm bảo đúng thẩm quyền và có hiệu quả.
- HĐQT đã thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp để kịp thời xử lý các công việc trong công tác điều hành. Đồng thời, luôn bám sát các mặt hoạt động của Công ty để đưa ra các chủ trương, giải pháp, phương hướng thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.
- Các thành viên HĐQT luôn làm việc với tinh thần cẩn trọng, trách nhiệm cao vì mục tiêu chung của Công ty và cổ đông, thực hiện đúng vai trò trách nhiệm của mình, hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho Ban Giám đốc và các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công việc của mình.
- Năm 2020 mặc dù là một năm khó khăn nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết, Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ giao. Năm 2021 được đánh giá là một năm khó khăn, thử thách. Vì vậy, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo Công ty quyết liệt hơn nữa trong việc nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD; công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, nguồn việc, sớm đưa vào khai thác khu bãi 7ha; rà soát, tối ưu hóa sản xuất và giá thành, kiện toàn tổ chức bộ máy hoạt động để tăng hiệu quả, năng lực cạnh tranh; đẩy nhanh tiến độ về các thủ tục đất đai, ưu đãi của dự án, chuẩn bị sẵn nguồn lực để tiếp tục đầu tư hạ tầng, thiết bị khi có thêm khách hàng để hoàn thành cao nhất kế hoạch được giao.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

1.4.1. Ông Trần Hải Bình – Chủ tịch HĐQT:

- Chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực, hiệu quả tại các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác lập kế hoạch, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát việc huy động, kinh doanh, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Thay mặt HĐQT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.2. Ông Phùng Như Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Phối hợp cùng HĐQT chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Tổ chức thực hiện và xử lý tốt các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ giao.
- Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của HĐQT, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
- Thực hiện tốt công tác lập báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.3. Ông Nguyễn Lê Phương – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ 4/4 cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Xem xét, biểu quyết thông qua kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Phối hợp cùng HĐQT đơn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

1.4.4. Ông Nguyễn Viết Đạt – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực tại các cuộc họp của HĐQT và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Phối hợp, xem xét và đóng góp ý kiến về kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ năm 2020.
- Tích cực phối hợp cùng HĐQT đơn đốc, hỗ trợ, đề xuất các phương án, giải pháp cho Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đạt hiệu quả cao.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu của Công ty.
- Phối hợp cùng HĐQT theo dõi, giám sát công tác thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2020 của Công ty.
- Thực hiện tốt phạm vi công việc đã được HĐQT phân công.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:



Ông NGÔ VĂN LẬP

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 11/1994 – 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 – 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 – 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 01/2012 – đến nay: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

**Ông PHẠM VĂN TIẾN
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 11/02/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

Bắt đầu nhiệm kỳ ngày: 05/06/2020

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 10/2009 – 02/2011: Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí hàng hải
- + 02/2011 – 08/2012: Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa PTN
- + 08/2012 – Nay: Phòng quản lý Vốn, Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt nam

**Ông CHÂU HOÀI THANH
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 15/08/1978 tại Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

Kết thúc nhiệm kỳ ngày: 05/06/2020

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 10/2007: Cty TNHH Chăn nuôi CP VN
- + 11/2007 – 05/2009: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 06/2009 – 01/2010: Phụ trách kế toán – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng – Tổng Công ty PTSC.
- + 02/2010 – 08/2010: Trưởng phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 09/2010 – 04/2011: Kế toán Trưởng Công ty TNHH 1 TV Đóng tàu Nhơn Trạch.
- + 05/2011 – đến nay: Trưởng Phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.

**Bà ĐINH THỊ NGỌC THANH
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 16/03/1974

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

Bắt đầu nhiệm kỳ ngày: 08/11/2017

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 1998 – 2005: Kế toán Công ty Cổ phần Sản xuất Cao su Y tế
- + 2006 – 2008: Kế toán Công ty Mỹ Phẩm Sài Gòn
- + 2009 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần In tổng hợp LINKSIN
- + 2011 – 2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Phát triển khoa học công nghệ thương mại thiên văn.
- + 2015 – nay: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy định và Quy chế quản lý nội bộ, trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, luôn nâng cao vai trò trách nhiệm trong công việc.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể, hàng quý đều tổ chức họp đánh giá nhiệm vụ và kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty và từng thành viên. Các cuộc họp đều có sự thống nhất và có biên bản làm việc. Các thành viên đã hoàn thành đúng chức trách, nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.
- Công tác quản lý, giám sát các dự án đầu tư đã và đang được kiểm tra, giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.
- Công tác quản lý và sử dụng vốn được giám sát chặt chẽ, khả năng thanh toán được đảm bảo. Nguồn vốn nhân rồi của Công ty được sử dụng hiệu quả, linh hoạt nhằm phát huy sức mạnh tài chính trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và an toàn sử dụng nguồn vốn.

2.2.2. Số lượng, nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi tham dự họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Ngô Văn Lập	Trưởng ban chuyên trách	06/04/2012 (bầu lần đầu) 30/03/2017 (bầu lại)	4	100%	
02	Ông Châu Hoài Thanh	Thành viên kiêm nhiệm	06/04/2012 (bầu lần đầu) 30/03/2017 (bầu lại)	1	25%	Miễn nhiệm ngày 05/06/2020
03	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên kiêm nhiệm	05/06/2020 (bầu lần đầu)	3	75%	Bầu lần đầu ngày 05/06/2020
04	Bà Đinh Thị Ngọc Thanh	Thành viên kiêm nhiệm	08/11/2017 (bầu lần đầu)	4	100%	

Trong năm 2020, các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

Ông Ngô Văn Lập – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên Ban kiểm soát;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm; Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát quý, năm và tổ chức triển khai thực hiện; Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

- Thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Ông Châu Hoài Thanh – Thành viên Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 1 cuộc họp (tỷ lệ 25%) do đến ngày 05/06/2020 Ông Châu Hoài Thanh được miễn nhiệm theo Nghị quyết số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Văn Tiến – Thành viên Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 3 cuộc họp (tỷ lệ 75%) do đến ngày 05/06/2020 Ông Phạm Văn Tiến được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bà Đinh Thị Ngọc Thanh – Thành viên Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng

mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Thù lao và các lợi ích khác
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	636.048.367 đồng
2	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT/Giám đốc	01/01/2020 đến 31/12/2020	641.756.402 đồng
3	Nguyễn Lê Phương	Thành viên HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	36.000.000 đồng
4	Nguyễn Việt Đạt	Thành viên HĐQT	01/01/2020 đến 31/12/2020	36.000.000 đồng



3.1.2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Thù lao và lợi ích khác sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
01	Ông Ngô Văn Lập	Trưởng ban Chuyên trách	12 tháng	344.530.212đ	
02	Ông Châu Hoài Thanh	Thành viên Kiêm nhiệm	5 tháng	9.000.000đ	
03	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên Kiêm nhiệm	7 tháng	7.200.000đ	Theo quy định của PTSC

04	Bà Đinh Thị Ngọc Thanh	Thành viên Kiêm nhiệm	12 tháng	21.600.000đ	
----	------------------------	--------------------------	----------	-------------	--

3.1.3. Giám đốc: Xem tại mục 3.1.1

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: KHÔNG

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: KHÔNG

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hoàn thành những mục tiêu đề ra. Năm 2020 mặc dù tình hình kinh tế xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch năm 2020, nhờ đó mang lại lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định pháp luật về quản trị của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn: Thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom (mã cổ phiếu: PSB); thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời; tổ chức đầy đủ các cuộc họp Đại hội cổ đông với tỷ lệ biểu quyết cao thông qua các nội dung.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình luôn ý thức được trách nhiệm với môi trường, Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2020, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 :

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020: (đính kèm)

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 04 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật



Phùng Như Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phùng Như Dũng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

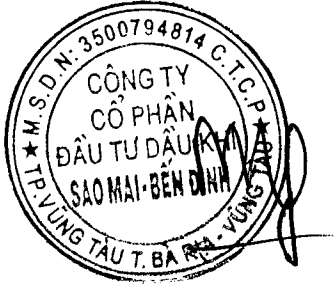
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
Số 65A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021



SỐ: 039/VACO/BCKIT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 31 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, đã trình bày việc Công ty không ghi nhận khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến nay, vì Công ty cho rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (“Nghị định 46”) và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 (“Nghị định 118”) do Chính phủ ban hành nên Công ty sẽ được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 9 tháng 4 năm 2020 đưa ra ý kiến ngoại trừ do Công ty chưa trích lập đủ dự phòng phải thu, chưa ghi nhận khoản chi phí phạt do giao hàng chậm cho Liên doanh Việt Nga Vietsopetro và đoạn nhấn mạnh liên quan đến việc Công ty không trích lập dự phòng cho khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất phải nộp. Các vấn đề ngoại trừ đã được xử lý trong năm 2020, không còn ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vấn đề cần nhấn mạnh tiếp tục được đề cập trong báo cáo tài chính này như mô tả trên đây.



Chữ Nguyễn Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2021


Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2018-156-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		492.046.108.002	487.534.940.669
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.140.405.601	79.174.083.567
1. Tiền	111		53.140.405.601	79.174.083.567
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		397.000.000.000	367.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	397.000.000.000	367.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.823.546.782	34.861.928.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.990.601.671	39.935.127.857
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		387.233.679	1.696.466.674
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.977.630.162	6.762.252.634
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140		11.054.042.537	512.014.874
1. Hàng tồn kho	141	9	11.054.042.537	512.014.874
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.028.113.082	5.986.913.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	421.899.216	339.167.948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.321.628.279	5.433.866.485
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	284.585.587	213.879.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.911.837.973	281.638.440.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		75.155.639.193	80.939.341.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	75.155.639.193	80.939.341.358
- Nguyên giá	222		115.077.169.922	115.354.222.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.921.530.729)	(34.414.881.564)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	178.600.776.483	183.336.048.339
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(50.680.009.971)	(45.944.738.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.163.714.381	16.168.416.172
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	33.163.714.381	16.168.416.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	10.530.000.000	10.530.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.988.707.916	1.191.634.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.988.707.916	1.191.634.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		780.957.945.975	769.173.381.390

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		227.795.819.723	218.469.480.109
I. Nợ ngắn hạn	310		27.031.856.256	13.316.035.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.095.889.787	1.702.185.231
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	16.048.295	-
3. Phải trả người lao động	314		1.931.249.094	441.874.031
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		249.758.125	1.472.538.039
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	5.203.799.784	5.203.799.784
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.960.148.225	3.962.010.115
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		574.962.946	533.628.214
II. Nợ dài hạn	330		200.763.963.467	205.153.444.695
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		127.030.620	199.903.984
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	191.071.963.496	196.275.763.280
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	9.488.778.875	8.601.586.955
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.162.126.252	550.703.901.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	553.162.126.252	550.703.901.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.810.733.283	6.352.508.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.311.173.580	5.939.160.997
- LNST chưa phân phối trong năm	421b		2.499.559.703	413.347.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		780.957.945.975	769.173.381.390


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021

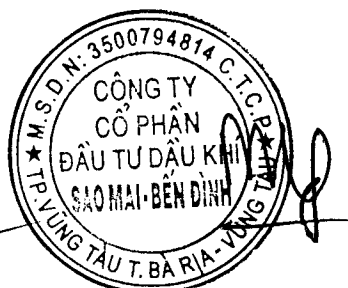
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	172.412.455.372	181.403.172.972
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		172.412.455.372	181.403.172.972
3. Giá vốn hàng bán	11	24	165.180.227.725	177.061.750.310
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.232.227.647	4.341.422.662
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.537.662.767	24.690.248.386
6. Chi phí tài chính	22		-	16.588.068
7. Chi phí bán hàng	25	27	1.557.560.717	2.493.595.076
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	25.947.907.687	26.282.624.532
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		4.264.422.010	238.863.372
10. Thu nhập khác	31		7.303.735	1.392.951.257
11. Chi phí khác	32		1.104.731.117	331.275.394
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.097.427.382)	1.061.675.863
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.166.994.628	1.300.539.235
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	(219.756.995)	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2.499.559.703	413.347.315
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	50	7

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

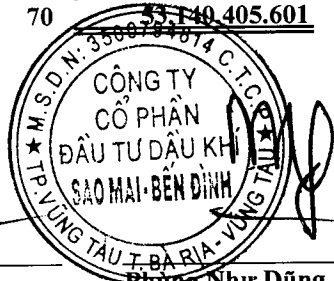
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.166.994.628	1.300.539.235
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.518.974.021	11.437.574.537
- Các khoản dự phòng	03	-	1.014.893.904
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.410.692)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.526.316.970)	(24.911.157.477)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.854.759.013)	(11.158.149.801)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.254.527.416	(1.095.632.290)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.542.027.663)	5.219.268.735
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.327.106.735	(7.515.776.284)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(879.804.332)	(628.816.764)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(219.756.995)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.309.232.995	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(15.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.385.723.862)	(15.414.363.399)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.995.298.209)	(3.163.469.152)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	220.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(280.000.000.000)	(227.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250.000.000.000	262.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.332.933.413	25.620.919.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.662.364.796)	57.678.359.560
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(26.048.088.658)	42.263.996.161
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.174.083.567	36.910.087.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.410.692	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	53.140.405.601	79.174.083.567


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh VI
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 11 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 81 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí.
- Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu.
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu.
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công bố.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-07
Máy móc, thiết bị	07-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05-40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và tài sản khác; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cải tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	101.115.643	81.482.571
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.039.289.958	79.092.600.996
Cộng	53.140.405.601	79.174.083.567

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Tiền gửi có kỳ hạn	397.000.000.000	397.000.000.000	367.000.000.000	367.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Vũng Tàu	95.000.000.000	95.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu - Côn Đảo	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN. Vũng Tàu	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN. Bà Rịa Vũng Tàu	75.000.000.000	75.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	125.000.000.000	125.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cầu Giấy - PGD Nguyễn Thị Định	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Các ngân hàng khác	25.000.000.000	25.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào đơn vị khác	10.530.000.000	(10.530.000.000)	10.530.000.000	(10.530.000.000)
Cộng	10.530.000.000	(10.530.000.000)	10.530.000.000	(10.530.000.000)

(a) Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại, kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 4,9% đến 6,7% năm.

(b) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.680.461.713	26.503.444.616
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Công ty TNHH Hải Lưu	334.978.600	7.647.795.485
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	545.607.060	5.323.730.401
Khách hàng khác	267.957.323	-
b) Phải thu khách hàng các bên liên quan	12.310.139.958	13.431.683.241
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):		
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	4.597.505.455	5.794.310.613
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	6.464.489.057	6.871.646
- Công ty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành & Bảo Dưỡng CT DK Biển PTSC (POS)	470.633.493	-
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	171.398.256	2.212.441.235
- Chi nhánh Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	-	1.461.386.153
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):		
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	606.113.697	3.669.873.594
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí	-	286.800.000
Cộng	26.990.601.671	39.935.127.857

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	9.977.630.162	6.762.252.634
Tạm ứng	125.520.799	215.095.097
Lãi dự thu	6.844.205.481	6.037.589.038
Phải thu khác bên liên quan - Thành viên PTSC:		
- Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí	-	117.168.204
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	80.904.771	-
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	2.921.593.111	-
Khác	5.406.000	392.400.295
b) Phải thu dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	9.980.630.162	6.765.252.634

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	239.600.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	11.036.347.321	-	38.501.145	-
Hàng hóa	17.695.216	-	233.913.729	-
Cộng	11.054.042.537	-	512.014.874	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án “Chế tạo, Hạ thủy và Chằng buộc cho Cọc Sao Vàng CPP và Giàn đầu giếng Đại Nguyệt (WHP)”.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	421.899.216	339.167.948
Phí bảo hiểm, kiểm định	212.363.008	199.396.575
Chi phí khác	209.536.208	139.771.373
b) Dài hạn	1.988.707.916	1.191.634.852
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	231.288.961	163.948.752
Chi phí sửa chữa	424.857.920	667.005.826
Khác	1.332.561.035	360.680.274
Cộng	2.410.607.132	1.530.802.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
a) Phải thu	213.879.360	108.917.751	179.623.978	284.585.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(219.756.995)	-	219.756.995
Thuế thu nhập cá nhân	149.050.768	327.674.746	178.623.978	-
Các loại thuế khác	64.828.592	1.000.000	1.000.000	64.828.592
b) Phải trả	-	184.121.722	168.073.427	16.048.295
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	137.779.683	137.779.683	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.293.744	27.293.744	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.048.295	-	16.048.295
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.728.065.904	1.940.606.000	3.450.460.524	390.667.605	101.844.422.889	115.354.222.922
- Giảm do thanh lý	-	(277.053.000)	-	-	-	(277.053.000)
Số dư cuối năm	7.728.065.904	1.663.553.000	3.450.460.524	390.667.605	101.844.422.889	115.077.169.922
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.355.422.324	1.105.831.065	2.767.876.594	390.667.605	25.795.083.976	34.414.881.564
- Khấu hao trong năm	1.222.516.224	103.647.612	116.570.316	-	4.340.968.013	5.783.702.165
- Giảm do thanh lý	-	(277.053.000)	-	-	-	(277.053.000)
Số dư cuối năm	5.577.938.548	932.425.677	2.884.446.910	390.667.605	30.136.051.989	39.921.530.729
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.372.643.580	834.774.935	682.583.930	-	76.049.338.913	80.939.341.358
Tại ngày cuối năm	2.150.127.356	731.127.323	566.013.614	-	71.708.370.900	75.155.639.193

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 14.801.860.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.270.386.037 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	53.372.880	53.372.880
Số dư cuối năm	53.372.880	53.372.880
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	53.372.880	53.372.880
Số dư cuối năm	53.372.880	53.372.880
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 53.372.880 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	229.280.786.454	229.280.786.454
Số dư cuối năm	229.280.786.454	229.280.786.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	45.944.738.115	45.944.738.115
- Khấu hao trong năm	4.735.271.856	4.735.271.856
Số dư cuối năm	50.680.009.971	50.680.009.971
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	183.336.048.339	183.336.048.339
Số dư cuối năm	178.600.776.483	178.600.776.483

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	Nguyên giá đầu năm và cuối năm
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 héc ta tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 héc ta tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	31.147.753.732	14.152.455.523
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	1.934.142.467	1.934.142.467
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	<u>33.163.714.381</u>	<u>16.168.416.172</u>

(i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng, ...) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng diện tích 163 ha. Cho đến hiện nay UBND chỉ mới bàn giao đất giai đoạn 1 cho Công ty với diện tích 81.9 ha và chưa giao phần đất của giai đoạn 2.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

(ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa triển khai đầu tư tiếp do chưa tìm các khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ kho bãi tại dự án. Công ty đang tiếp tục nỗ lực tìm kiếm khách hàng để khai thác đầu tư dự án.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	14.475.803.695	14.475.803.695	1.702.185.231	1.702.185.231
Công ty TNHH Hải Lưu	13.555.774.490	13.555.774.490	909.607.818	909.607.818
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Bắc Hải	434.009.895	434.009.895	445.802.500	445.802.500
Nhà cung cấp khác	486.019.310	486.019.310	346.774.913	346.774.913
<i>b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan</i>	620.086.092	620.086.092	-	-
Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí ("PVN"):				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí	349.822.252	349.822.252	-	-
Hàng hải PTSC (PTSC - M&C)				
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	-	-	-	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí	270.263.840	270.263.840	-	-
Cộng	15.095.889.787	15.095.889.787	1.702.185.231	1.702.185.231

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 năm, 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	5.203.799.784	5.203.799.784
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	2.186.441.697	2.186.441.697
<i>b) Dài hạn</i>	191.071.963.496	196.275.763.280
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	108.624.891.151	111.642.249.238
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	82.447.072.345	84.633.514.042

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.960.148.225	3.961.145.310
Khác	-	864.805
Cộng	3.960.148.225	3.962.010.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Chênh lệch khấu hao
	VND
Số dư đầu năm trước	7.714.395.035
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Số dư đầu năm nay	8.601.586.955
Ghi nhận lợi nhuận/(lỗ) trong năm	887.191.920
Số dư cuối kỳ	9.488.778.875

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước đã phát hành	500.000.000.000	44.351.392.969	16.512.346.479	560.863.739.448
Điều chỉnh hồi tố	-	-	(10.487.237.016)	(10.487.237.016)
Số dư đầu năm trước sau điều chỉnh hồi tố	500.000.000.000	44.351.392.969	6.025.109.463	550.376.502.432
Lãi trong năm	-	-	413.347.315	413.347.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(85.948.466)	(85.948.466)
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	44.351.392.969	6.352.508.312	550.703.901.281
Lãi trong năm	-	-	2.499.559.703	2.499.559.703
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(41.334.732)	(41.334.732)
Số dư cuối năm	500.000.000.000	44.351.392.969	8.810.733.283	553.162.126.252

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh	65.081.000.000	13%	65.081.000.000	13%
Các cổ đông khác	179.919.000.000	36%	179.919.000.000	36%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	10.656,88	115.904,94

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Bộ phận kinh doanh cụm cảng</u> VND	<u>Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí</u> VND	<u>Bộ phận kinh doanh hàng hóa</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tài sản bộ phận	291.837.097.986	25.558.421.663	-	317.395.519.649
Tài sản không phân bổ				463.562.426.331
Tổng tài sản				780.957.945.980
Nợ phải trả bộ phận	205.929.785.370	15.307.435.317	-	221.237.220.687
Nợ phải trả không phân bổ				6.558.599.036
Tổng nợ phải trả				227.795.819.723
<u>Tại ngày 31/12/2019 (Trình bày lại)</u>	<u>Bộ phận kinh doanh cụm cảng</u> VND	<u>Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí</u> VND	<u>Bộ phận kinh doanh hàng hóa</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tài sản bộ phận (Trình bày lại)	286.893.290.424	17.772.850.755	7.647.795.485	312.313.936.664
Tài sản không phân bổ				456.859.444.726
Tổng tài sản				769.173.381.390
Nợ phải trả bộ phận	210.222.868.996	3.232.908.277	-	213.455.777.273
Nợ phải trả không phân bổ				5.013.702.836
Tổng nợ phải trả				218.469.480.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2020	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	doanh hàng hóa	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.495.041.359	57.606.394.496	93.311.019.517	172.412.455.372
Giá vốn	18.730.446.002	53.394.603.388	93.055.178.335	165.180.227.725
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.764.595.357	4.211.791.108	255.841.182	7.232.227.647
Chi phí không phân bổ				(27.505.468.404)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(20.273.240.757)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				24.537.662.767
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				4.264.422.010
Lợi nhuận khác				(1.097.427.382)
Lợi nhuận trước thuế				3.166.994.628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				219.756.995
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>2.499.559.703</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>10.518.974.021</u>

Năm 2019	Bộ phận kinh	Bộ phận xây	Bộ phận kinh	Tổng
	doanh cụm cảng	dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	doanh hàng hóa	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.438.198.120	93.449.416.442	73.515.558.320	181.403.172.882
Giá vốn	12.240.651.364	91.501.650.315	73.319.448.541	177.061.750.220
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.197.546.756	1.947.766.127	196.109.779	4.341.422.662
Chi phí không phân bổ				(28.776.219.608)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(24.434.796.946)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				24.690.248.386
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				255.451.440
Lợi nhuận khác				1.061.675.863
Chi phí tài chính				(16.588.068)
Lợi nhuận trước thuế				1.300.539.235
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				<u>413.347.315</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>11.437.574.537</u>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	7.070.571.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.845.300.316	84.888.863.088
Doanh thu bán hàng hóa	100.496.583.272	91.310.510.100
Cộng	172.412.455.372	181.403.172.972

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	5.692.495.956	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ	59.628.671.686	81.558.649.351
Giá vốn bán hàng hóa	99.859.060.083	90.767.829.103
Cộng	165.180.227.725	177.061.750.310

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.677.300.024	4.528.575.090
Chi phí nhân công	50.145.062.834	41.246.521.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.518.974.021	11.437.574.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.844.342.922	47.299.034.189
Chi phí khác	5.064.199.727	6.105.653.304
Cộng	104.249.879.528	110.617.358.447

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	24.526.316.970	24.690.248.386
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.345.797	-
Cộng	24.537.662.767	24.690.248.386

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.557.560.717	2.493.595.076
Cộng	1.557.560.717	2.493.595.076
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.585.003.450	11.506.113.201
Các loại bảo hiểm theo lương	2.554.926.151	2.466.161.094
Chi phí vật liệu quản lý	925.994.530	1.047.809.155
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.479.595.424	3.098.332.031
Chi phí dự phòng	-	1.014.893.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.114.750.782	2.468.338.757
Các khoản chi phí QLDN khác	4.287.637.350	4.680.976.390
Cộng	25.947.907.687	26.282.624.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.166.994.628	1.300.539.235
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.673.734.153)	(1.657.265.211)
Trừ thu nhập không tính thuế	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	1.762.225.447	2.778.694.389
Thu nhập chịu thuế	493.260.475	(356.725.976)
Chuyển lỗ	(493.260.475)	-
Thu nhập tính thuế	-	(356.725.976)
Trong đó:		
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Giảm chi phí thuế TNDN năm trước do điều chỉnh quyết toán	(219.756.995)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(219.756.995)	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 2.649.902.076 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đạo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ (VND)	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2020	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
2016	868.295.982	2017 - 2021	846.019.008	22.276.974	Đã quyết toán
2017	2.270.899.126	2018 - 2022	-	2.270.899.126	Đã quyết toán
2019	356.725.976	2020 - 2024	-	356.725.976	Chưa quyết toán
				<u>2.649.902.076</u>	

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	2.499.559.703	413.347.315
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(41.334.732)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.499.559.703	372.012.583
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	7

(*) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2020, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 41.334.732 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 54/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 6 năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÁC KHOẢN CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	593.100.000	991.830.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	18.979.200.000	19.522.875.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² (tại 31/12/2019 là 5.000 m²) tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

31. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình (SM-BĐ) được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 (“Nghị định 118”). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 (“Nghị định 46”), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền thuê đất theo các thông báo của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay trên báo cáo tài chính các năm tương ứng. Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn mới đây số 362/SKHĐT-ĐT ngày 8 tháng 02 năm 2021; Công ty đánh giá và xác định rằng dự án cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 nên sẽ được tiếp tục miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	PTSC - Ban xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard PTSC - POS	Thành viên PTSC Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC		Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Doanh thu</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	1.038.576.788	237.642.134
PTSC - M&C	40.620.699.488	55.702.958.977
PTSC - Ban xây dựng	60.583.769	857.089.138
PV Shipard	16.072.971.895	15.978.550.132
PTSC - POS	2.883.166.630	5.227.928.000
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	5.002.784.351	3.243.918.985
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	36.851.691	10.981.927
PTSC - M&C	361.020.229	180.298.565
PTSC - SB	246.994.400	302.138.950
PTSC - Đà Nẵng		17.954.545
PV Shipyard	895.401.096	8.881.257.604
Các thành viên thuộc PVN		
PVN	12.386.088	-
PVS - MS	2.008.981.611	139.573.979
PV Gas South	93.055.178.335	73.319.448.541
PVI Vũng Tàu	353.710.457	359.649.594
PSI	-	10.000.000
PVI South	-	26.336.703

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập	2.687.648.365	1.679.758.975
	2.687.648.365	1.679.758.975

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 6.844.205.481 VND (năm 2019: 6.037.589.038 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nhưng đã bao gồm 6.037.589.038 VND là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại cho mục đích so sánh, cụ thể như sau:


		Số đầu năm (tại ngày 01/01/2020)				
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú	
		VND	VND	VND		
1/ Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán						
Tài sản						
1. Dự phòng phải thu khó đòi	137	(3.044.681.714)	(13.531.918.730)	(10.487.237.016)	(i)	
Nguồn vốn						
1. LNST chưa phân phối	421	16.839.745.328	6.352.508.312	10.487.237.016	(i)	
		Năm 2019		Năm 2018		
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú	
		VND	VND	VND	VND	
2/ Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	137	26.282.624.532	26.282.624.532	-	(i)	
2. Lợi nhuận sau thuế	132	413.347.315	413.347.315	-	(i)	


(i) Điều chỉnh hồi tố ghi tăng chỉ tiêu “Chi phí Quản lý doanh nghiệp”; ghi tăng chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” về thời điểm lập báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với khoản nợ Công ty phải thu Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn không có khả năng thu hồi do:


- Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn (Sofel) đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quyết định mở thủ tục phá sản theo Quyết định số 03/2018/QĐ-MTTPS ngày 12 tháng 9 năm 2018.
- Theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng đối với “các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh”, khoản nợ phải thu Sofel đã đủ điều kiện trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu;
- Theo Nghị quyết số 109/NG-HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc đồng ý tạm thời cho phép Ban Giám đốc thực hiện theo phương án điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính liên quan đến khoản công nợ phải thu khó đòi của Sofel.

Do đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Sofel và hồi tố lại báo cáo của các năm 2018. Chi tiết số liệu dự phòng phải thu khó đòi được trích lập qua các năm như sau:

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng lũy kế
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	12.517.024.826	1.014.893.904	-	13.531.918.730


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2021

